

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024
Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	77		5	10	15	15	32
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	77		5	10	15	15	32
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú.	77		5	10	15	15	32
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	77		5	10	15	15	32
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	77		5	10	15	15	32
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	77		5	10	15	15	32
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
6	Phân loại khác							
7	Số trẻ em suy dinh dưỡng							
8	Số trẻ em béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	77		5	10	15	15	32
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	15						
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	62						

Bình Tân, ngày 16 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG MẦM NON
MAI VÀNG
Đỗ Thị Thanh Vân

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG MẦM NON
MAI VÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	12	1.74 m ² /trẻ em
1	Phòng học kiên cố	12	1.74 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2550	31.48 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	504	6.22 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	324	4.00 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	324	4.00 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	82	1.01 m ² /trẻ em
4	Diện tích sân chơi (m ²)	560.22	6.91 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	64.8	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	64.8	
7	Diện tích phòng thư viện (m ²)	32.4	
8	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	129.6	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	05/05	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	05/05	01/05
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	Vi tính: 8 Màn Chiếu: 01	

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	05	05/05 nhóm, lớp
1	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	05	05/05 nhóm, lớp
2	Máy photo	02	01/05 nhóm, lớp
3	Cattset	05	05/05 nhóm, lớp
4	Đầu DVD	05/05	05/05 nhóm, lớp
5	Bàn ghế đúng quy cách	65 bộ	05/05 nhóm, lớp

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03	x	05		2.16/2.10
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	
XIV	Kết nối internet	1	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	1	
XVI	Tường rào xây	1	
..			

Bình Tân, ngày 16 tháng 9 năm 2023



Đỗ Thị Thanh Vân

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG MẦM NON
MAI VÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	17		03	06	02	02	04	02	07	03	09			
I	Giáo viên	09		01	06	02				08	01	07	02		
1	Nhà trẻ	04		01	01	01				03	01	03	01		
2	Mẫu giáo	05			04	01				05		05	01		
II	Cán bộ quản lý	02		02							02	02			
1	Hiệu trưởng	01		01							01				
2	Phó hiệu trưởng	01		01							01	01			
III	Nhân viên	06													
1	Nhân viên văn thư	01			01										
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	04						04							
..	..														

Bình Tân, ngày 16 tháng 9 năm 2023


Đỗ Thị Thanh Vân